

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-12-2019

*Về việc tranh chấp chia tài sản chung
và nợ chung sau khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị T

Ông Hà Vũ Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Sĩ, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXX-ST ngày 26/11/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T sinh năm 1969. Cư trú tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1967. Cư trú tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1932. Cư trú tại số 263, Hương L, ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1958. Cư trú tại số A, đường Trần Quốc T, khóm 2, phường 2, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn xin vắng mặt)

3. Bà Đỗ Thị Hồng E, sinh năm 1975. Cư trú tại số A, hẻm 36, đường Nguyễn Thị M, khóm 8, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn xin vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961 (vắng mặt)
 5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 (vắng mặt)
 6. Ông Lương Văn T, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)
- Cùng cư trú tại: Ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

7. Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC). Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà REE Tower, số 09, Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

8. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát Triển Việt Nam. Trụ sở chính: Tháp BIDV, số 35, Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàng Kiếm, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền ông Dương Hoàng H – chức vụ Phó Giám đốc phụ trách phòng giao dịch Duyên Hải (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Đỗ Thị T Trình bày: Bà Đỗ Thị T và ông Trần Văn Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1994 và theo Bản án số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tuyên không công nhận bà T và ông Đ là vợ chồng; Về tài sản chung và nợ chung không có xE xét giải quyết. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung thừa 128, tờ bản đồ số 01, diện tích 14.000m² gắn liền với 01 căn nhà dạng độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, không tô, lán vừa xi măng, mái tol. Tọa lạc tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh và các công trình phụ. Nguồn gốc diện tích thửa đất 128, vào ngày 16/6/2003 bà T và ông Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H thửa 128, tờ bản đồ số 01, diện tích 14.000m² với giá 50.000.000 đồng đã trả tiền cho ông S bà H xong. Lúc nhận chuyển nhượng các bên không có làm hợp đồng chuyển nhượng mà chỉ làm giấy tay mua bán và đến nay chưa làm thủ tục S tên quyền sử dụng đất. Diện tích đo thực tế 13.461,6m² nằm trong tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 21.030m² được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp ngày 01-7-1999 cho hộ ông Nguyễn Văn S. Nay bà yêu cầu được chia tài sản chung bằng hiện vật ½ diện tích đất nêu trên, còn 01 căn nhà và 01 cây giếng nước gắn liền với đất bà yêu cầu chia đôi cho bà và ông Đ, bà yêu cầu nhận ½ giá trị căn nhà và 01 cây giếng nước. Các vật dụng trong gia đình và cây cối hoa màu và tài sản khác trên đất bà T không tranh chấp.

Về nợ chung: Trong thời gian sống chung bà T và ông Đ nợ ông Trần Văn S là 54 chỉ vàng 24K (loại vàng 9999), vay khoảng năm 1997 vay không có lãi, không hẹn thời gian trả, có làm biên nhận. Nợ bà Đỗ Thị Hồng E là 03 chỉ vàng 24K(loại vàng 9999) và 4.000.000 đồng mượn vào năm 2012 và năm 2014 không hẹn thời gian trả, không lãi và không làm biên nhận. Nợ bà Đỗ Thị S là 5.000.000 đồng mượn vào năm 2014 không hẹn thời gian trả, không lãi và không làm biên nhận. Nợ Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng là 105.192.000 đồng vay trả góp ngày

04/11/2016. Bà T yêu cầu ông Đ có trách nhiệm cùng bà mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2019 và ngày 01/10/2019 bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày: Nguồn gốc nhà và đất tọa lạc ấp Ba Đ, xã T, thị xã D là vào ngày 16/6/2003 ông, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông S và bà H diện tích 14.000m² nằm trong tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung là 21.030m², thửa số 128, tờ bản đồ số 01. Khi nhận chuyển nhượng các bên không có làm hợp Đ chuyển nhượng mà chỉ làm giấy mua bán Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa xác nhận và đến nay chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Do cần tiền đào ao nuôi tôm, ngày 26/11/2003 ông Đ bà T, ông T, ông S và bà H thống nhất cho vợ chồng ông S và bà H đứng tên vay tiền Ngân hàng phát triển nhà Đ bằng sông Cửu Long chi nhánh Duyên Hải vốn vay là 30.000.000 đồng và các bên thống nhất cho ông S bà H thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 128 cho Ngân hàng. Sau khi vay tiền ông S bà H đã giao cho ông Đ và bà T số tiền vốn vay là 14.000.000 đồng để ông Đ, bà T đào ao nuôi tôm, ông S bà H đã giao ông T là 7.000.000 đồng, ông S bà H nhận 9.000.000 đồng. Trong quá trình nhận chuyển nhượng canh tác sử dụng đất ông và bà T có tạo lập xây dựng 01 căn nhà ở dạng độc lập và khoảng 01 cây giếng nước có nền. Diện tích đất đã thỏa Tận cho vợ chồng ông S bà H đứng tên vay tiền dù nay ông Đ và bà T chưa thanh toán nợ nên chưa tách quyền sử dụng đất, do đó ông Đ không đồng ý chia diện tích đất nêu trên, căn nhà và cây giếng nước gắn liền với diện tích đất 14.000m² hiện ông Đ đang quản lý sử dụng. Nay bà T yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và 01 cây giếng nước ông Đ không đồng ý, vì bà T muốn nhận căn nhà thì ông Đ giao chứ ông Đ không đồng ý trả $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và 01 cây giếng nước theo yêu cầu bà T.

Ông Đ thống nhất có nợ chung ông Đỗ Văn S là 54 chỉ vàng 24K (loại vàng 9999), nợ bà Đỗ Thị Hồng E là 03 chỉ vàng 24K (loại vàng 9999) và 4.000.000 đồng, nợ bà S là 5.000.000 đồng. Ông Đ đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên. Đối với số tiền nợ Nợ Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng là 105.192.000 đồng, ông Đ không thống nhất là nợ chung và không đồng ý trả.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/3/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H cùng trình bày: Năm 2003 ông S bà H có chuyển nhượng cho bà T và ông Đ diện tích đất 14.000m² trong tổng diện tích chung 21.030m², thửa số 128, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Khi nhận chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy tay không có làm hợp đồng bằng văn bản và chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông Đ, bà T và ông T cần tiền cải tạo đất nên các bên thống nhất để ông S và bà H đứng tên vay tiền Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long chi nhánh Duyên Hải (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam) vốn vay là 30.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 128 cho Ngân hàng. Sau khi vay tiền ông S bà H đã đưa cho bà T và ông Đ số tiền là 14.000.000 đồng, đưa ông Lương Văn T là

7.000.000 đồng, ông S bà H nhận 9.000.000 đồng. Do ông S bà H không thực hiện nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện ông S và bà H. Ngày 21/5/2007 Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 35/2017/QĐST-DS buộc ông S và bà H trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi là 7.245.000 đồng, lãi phát sinh và giao quyền sử dụng đất thửa số 128 cho Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Đến nay ông S và bà H đã trả vốn vay bằng 9.000.000 đồng cho Ngân hàng xong khoảng tiền của ông, bà đã nhận. Nay bà T yêu cầu ông Đ chia diện tích đất thuộc thửa 128 mà ông S bà H chuyển nhượng cho ông Đ bà T, thì ông S bà H không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 9/10/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T trình bày: Năm 1998 ông có nhận chuyển nhượng của ông S bà H diện tích đất 7.000m² nằm trong tổng diện tích đất chung 21.030m², thửa số 128, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Lúc nhận chuyển nhượng hai bên không có làm hợp đồng bằng văn bản và chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Đến năm 2003 do cần tiền cải tạo đất nên ông Đ, bà T và ông thống nhất để ông S và bà H đứng tên vay tiền Ngân hàng Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long là 30.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 128 cho Ngân hàng. Sau khi vay tiền ông S bà H đã đưa cho bà T và ông Đ số tiền là 14.000.000đồng, ông S bà H nhận 9.000.000 đồng và đưa cho ông nhận là 7.000.000 đồng. Nay ông không có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại đơn yêu cầu độc lập và bản tự khai đề ngày 04/8/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn S trình bày: Ông là cha ruột của bà T, vào năm 1995 - 1997 ông Đ, bà T có đến hỏi ông vay nhiều lần bằng 90 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 về để sử dụng xây dựng nhà máy chà gạo, không thỏa Tận thời gian trả và cũng không tính lãi, có làm biên nhận. Sau khi vay đến nay ông Đ ,bà T đã trả nhiều lần và đến nay còn nợ bằng 54 chỉ vàng 24K. Nay ông yêu cầu ông Đ và bà T trả cho ông 54 chỉ vàng 24K loại vàng 9999, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn yêu cầu độc lập và bản tự khai đề ngày 04/8/2019, ngày 26/11/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Hồng E trình bày: Vào khoảng năm 2012 – 2015 bà có cho ông Đ và bà T vay 03 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 và 4.000.000 đồng để cải tạo ao nuôi trồng thủy sản và mua xe mô tô, không có thỏa thuận thời gian trả và cũng không tính lãi do nghĩ chị E ruột nên không có làm biên nhận. Nay bà yêu cầu bà T và ông Đ trả cho bà 03 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 và 4.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn yêu cầu độc lập, biên bản ghi lời khai ngày 23/3/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị S trình bày: Vào ngày 05/12/ 2014 bà có cho ông Đ bà T vay số tiền 10.000.000 đồng để đưa con đi trị bệnh tại Bệnh viện Huyết học thành phố Hồ Chí Minh, không có thỏa thuận thời gian trả và cũng không tính lãi do nghĩ chị em ruột nên không có làm biên nhận. Đến ngày 15/12/2014 bà T, ông Đ đã trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại

5.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay bà yêu cầu ông Đ và bà T trả cho bà số tiền vốn còn nợ là 5.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2012 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát Triển Việt Nam – người đại diện là ông Dương Hoàng H trình bày: Ngày 26/11/2003 ông S bà H có ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng là 30.000.000 đồng và thế chấp thửa đất 128 cho Ngân hàng, thời hạn vay là 36 tháng. Đến hạn ông S bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi ông S bà H. Ngày 21/5/2007 Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 35/2017/QĐST-DS buộc ông S và bà H trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi là 7.245.000 đồng, lãi phát sinh và giao quyền sử dụng đất thửa số 128 cho Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Tính đến ngày 10/12/2019 ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H đã trả được vốn vay 9.000.000 đồng. Tổng số tiền còn nợ 87.024.750 đồng (trong đó nợ gốc 21.000.000 đồng, nợ lãi 66.024.750 đồng). Do thửa đất thế chấp hiện nay Phòng giao dịch Duyên Hải - Ngân hàng BIDV chi nhánh Trà Vinh đang yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải thi hành số tiền vốn vay và lãi đồng thời yêu cầu thi hành tài sản thế chấp quyền sử dụng đất thửa 128, tờ bản đồ 1, diện tích 21.030m² được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp ngày 01-7-1999 cho hộ ông Nguyễn Văn S, đất tọa lạc ấp Ba Đ, xã T, thị xã D.

Tòa án đã thực hiện gửi văn bản yêu cầu Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) có ý kiến như thế nào đối với số nợ bà T yêu cầu ông Đ có trách nhiệm cùng trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 105.192.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng không cung cấp ý kiến cho Tòa án và không có cử người đại diện tham gia tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội Đ xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng thời gian luật định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị T. Căn nhà tranh chấp cất trên một phần diện tích Tộc thửa 128, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh và 01 cây giồng nước bà T, ông Đ tạo lập trong năm 2015 bằng tiền chung của ông Đ, bà T trong thời kỳ sống chung với nhau như vợ chồng. Từ những phân tích nêu

trên đề nghị giao cho ông Trần Văn Đ toàn quyền sử dụng 01 căn nhà dạng độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, không tô, lán vữa xin măng, mái tol. Tọa lạc tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh và 01 cây giếng nước. Buộc ông Trần Văn Đ phải thanh toán số tiền cho bà Đỗ Thị T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và 01 cây giếng nước.

Đối với thửa đất số 128 diện tích đất thực đo thực tế 13.461,6m², tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và dành cho bà T, ông Đ, ông S và bà H bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất số 128.

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Đỗ Văn S, bà Đỗ Thị Hồng E và Đỗ Thị S yêu cầu ông Trần Văn Đ và Bà Đỗ Thị T cùng có trách nhiệm trả nợ. Buộc ông Trần Văn Đ trả cho ông Đỗ Văn S 27 chỉ vàng 24K loại vàng 9999; trả cho bà Đỗ Thị Hồng E 1,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 và 2.000.000(hai triệu) đồng; trả cho bà Đỗ Thị S 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, không trả lãi. Buộc Bà Đỗ Thị T trả cho ông Đỗ Văn S 27 chỉ vàng 24K loại vàng 9999; trả cho bà Đỗ Thị Hồng E 1,5 chỉ vàng 24K loại 9999 và 2.000.000 (hai triệu) đồng; trả cho bà Đỗ Thị S 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, không trả lãi.

Đối với nợ Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) số tiền 105.192.000 đồng bà T yêu cầu ông Đ có trách nhiệm cùng trả. Nhưng phía Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC), không có yêu cầu độc lập đề nghị không xem xét giải quyết nên dành cho Công ty và ông Đ bà T bằng một vụ kiện khác.

Về án phí: Bà T và ông Đ phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn Bà Đỗ Thị T yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung với bị đơn ông Trần Văn Đ là diện tích đất 13.461,6m², thửa số 128, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà, công trình phụ trên đất. Ông Đỗ Văn S, bà Đỗ Thị Hồng E và bà Đỗ Thị S có yêu cầu độc lập yêu cầu bà T và ông Đ trả số tiền và vàng. Ngày 11/4/2017 Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải xét xử và ra Bản án số 09/2017/HNGĐ-ST tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Đ. Xét thấy đây là quan hệ tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn ông Trần Văn Đ hiện đang cư trú tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét vắng mặt đương sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng; ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Trần Văn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn S, bà Đỗ Thị Hồng E, bà Đỗ Thị S, ông Lương Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị T yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất thực đo 13.461,6m², thửa số 128, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Xét nguồn gốc thửa đất số 128 là của hộ ông Nguyễn Văn S được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S ngày 01/7/1999, diện tích 21.030m², thửa số 128, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Ba động xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Năm 1998 ông S và bà H chuyển nhượng cho ông T diện tích đất 7.000m², phần diện tích đất còn lại đến năm 2003 ông S bà H chuyển nhượng cho ông Đ bà T diện tích đất 14.000m² (theo kết quả thẩm định diện tích thực tế là 13.461,6m²). Tuy nhiên trong quá trình chuyển nhượng các bên không có làm hợp đồng chuyển nhượng bằng văn bản và không có đăng ký quyền sử dụng đất mà các bên còn thỏa thuận đồng ý để cho ông S bà H đứng tên ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng phát triển nhà Đ bằng sông Cửu Long chi nhánh Duyên Hải nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh phòng giao dịch Duyên Hải – Ngân hàng BIDV chi nhánh Trà Vinh vốn vay bằng 30.000.000 đồng và để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ông S bà H đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 128 cho Ngân hàng theo đúng quy định tại các Điều 728, 731 và 732 của Bộ luật dân sự 1995. Hiện nay ông S bà H chưa trả hết nợ cho Ngân hàng và thửa đất số 128 còn đang thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo thanh toán nợ cho phía Ngân hàng. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và dành cho bà T, ông Đ, ông S và bà H bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất số 128. Theo kết quả định giá thì diện tích đất 13.461,6m², thửa số 128 có giá là 876.474.000 đồng.

[4] Căn nhà tranh chấp cất trên một phần diện tích Tộc thửa 128, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Ba Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau: Nhà ở dạng độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, không tô, lán vỉa xin măng, mái tol, không trần, diện tích 69,04m²; Nhà vệ sinh, tường xây gạch, trát vữa, nền gạch men, mái tole, có xí xôm, có hầm tự hoại, diện tích 3,15m²; Tường xây gạch ống D100, trát 2 mặt, diện tích 3,06m²; 01 mái che tole, cột bê tông cốt thép, nền lán xi măng diện tích 31,15m² và 01 cây giếng nước có nền. Theo kết quả định giá thì căn nhà và 01 cây giếng nước trị giá 167.516.756 đồng.

[5] Bà T yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và 01 cây giếng nước nhưng ông Đ không Đ ý. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T, ông Đ thừa nhận đồng ý căn nhà và 01 cây giếng nước được tạo lập trong năm 2015 bằng tiền của ông Đ và bà T trong thời kỳ sống chung với nhau như vợ chồng và được ông Đ thừa nhận tài sản nêu trên được tạo lập bằng tiền chung của ông Đ bà T. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà T giao cho ông Đ tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà và 01 cây giếng nước, bà T yêu cầu ông Đ trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị là có căn cứ theo quy định tại Điều 38 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Đối với những vật dụng sinh hoạt khác trong gia đình và những cây cối H màu trên diện tích đất 13.461,6m², thửa số 128 do bà T không yêu cầu ông Đ chia nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét yêu cầu độc lập của ông Đỗ Văn S yêu cầu bà T và ông Đ trả 54 chỉ vàng 24K loại 9999. Tại đơn khởi kiện của bà T và biên bản lấy lời khai ông Đ thì ông Đ và bà T điều thừa nhận còn nợ ông S 54 chỉ vàng 24K loại 9999. Do đó ông S yêu cầu ông Đ bà T trả 54 chỉ vàng 24K loại 9999 là có căn cứ theo quy định tại Điều 467 và khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 1995, ông S không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Hồng E yêu cầu ông Đ bà T trả 03 chỉ vàng 24K loại 9999 và 4.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện của bà T và biên bản lấy lời khai ông Đ thì ông Đ và bà T thừa nhận còn nợ bà Hồng E 03 chỉ vàng 24K loại 9999 và 4.000.000 đồng. Do đó bà E yêu cầu ông Đ bà T trả 03 chỉ vàng 24K loại 9999 và 4.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, bà Hồng E không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[8] Xét yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị S yêu cầu ông Đ bà T trả 5.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện của bà T và biên bản lấy lời khai ông Đ thì ông Đ và bà T thừa nhận còn nợ bà S 5.000.000 đồng. Do đó bà S yêu cầu ông Đ, bà T trả 5.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, bà S không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[9] Đối với khoản nợ 105.192.000 Đ bà T yêu cầu ông Đ có trách nhiệm cùng trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC). Xét thấy Tòa án đã thực hiện gửi văn bản yêu cầu Công ty có ý kiến như thế nào đối với số nợ bà T yêu cầu ông Đ có trách nhiệm cùng trả cho Công ty số tiền 105.192.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa Công ty không cử người đại diện tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến và không có yêu cầu độc lập nên không xét giải quyết khoản nợ nêu trên trong vụ án này. Hội đồng xét xử nghĩ nên dành cho Công ty và ông Đ bà T bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật nếu phía Công ty có yêu cầu khởi kiện.

[10] Đối với số tiền ông S bà H có ký hợp đồng vay 30.000.000 đồng của Ngân hàng phát triển nhà Đ bằng sông Cửa Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam) và việc thế chấp thửa đất 128 cho

Ngân hàng. Xét thấy đại diện Ngân hàng có bản tự khai ý kiến cho rằng đang đề nghị yêu cầu chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải thi hành tất cả toàn nợ gốc lãi đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 35/2007/QĐST-DS ngày 21/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải đã giải quyết xong, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên không xem xét giải quyết.

[11] Đối với thỏa thuận giữa ông S bà H, ông Đ bà T và ông T liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 128 và ông S bà H vay Ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng. Sau khi vay ông S bà H đã đưa cho ông Đ bà T số tiền 14.000.000 đồng và đưa cho ông T 7.000.000 đồng. Xét thấy do ông S bà H, ông Đ bà T và ông T không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội Đ xét xử không xem xét và dành cho ông S bà H, ông Đ bà T và ông T bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật nếu các bên có yêu cầu.

[12] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Ngày 30/9/2019 bà T đã nộp tạm ứng là 3.000.000 đồng, ngày 12/11/2019 bà T nộp tạm ứng bổ sung là 100.000 đồng, Tòa án đã thực hiện chi xong số tiền nêu trên. Do đó bà T và ông Đ phải chịu chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản theo Điều 157 và 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[13] Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung tương ứng với giá trị phần tài sản mà bà T được hưởng và án phí đối với yêu cầu độc lập của ông S, Bà E và bà S được Tòa án chấp nhận. Giá vàng 24K loại 9999 tại thời điểm xét xử là 4.140.000 đồng/chỉ.

Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần chia tài sản chung tương ứng với giá trị tài sản mà ông Đ được hưởng và án phí đối với yêu cầu độc lập của ông S, bà E và bà S được Tòa án chấp nhận.

Ông S, bà E và bà S có yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Hồng E số tiền tạm ứng án phí đã nộp 400.000 đồng theo biên lai T số 0004742 ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 264 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 467, 471, 728, 731 và 732 của Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 38 và 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị T.

Buộc ông Trần Văn Đ phải thanh toán cho Bà Đỗ Thị T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và 01 cây giếng nước là 83.758.378 đ (tám mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi tám) đồng.

Giao cho ông Trần Văn Đ toàn quyền sử dụng 01 căn nhà ở dạng độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, không tô, lán vữa xi măng, mái tol, không trần, diện tích 69m²; Nhà vệ sinh tường xây gạch, trát vữa, nền gạch men, mái tole, có xí xôm, có hầm tự hoại, diện tích 3.15m²; Tường xây gạch ống D100, trát 2 mặt, diện tích 3,06m²; Một mái che tole, cột bê tông cốt thép, nền lán xi măng diện tích 31,15m² và 01 cây giếng nước có nền gắn liền trên thửa đất 128.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Đỗ Văn S yêu cầu ông Trần Văn Đ và Bà Đỗ Thị T trả 54 chỉ vàng 24K loại 9999.

Buộc ông Trần Văn Đ trả cho ông Đỗ Văn S 27 chỉ vàng 24K loại vàng 9999.

Buộc Bà Đỗ Thị T trả cho ông Đỗ Văn S 27 chỉ vàng 24K loại vàng 9999

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Hồng E yêu cầu ông Trần Văn Đ và Bà Đỗ Thị T trả 03 chỉ vàng 24K loại 9999 và 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Buộc ông Trần Văn Đ trả cho bà Đỗ Thị Hồng E 1,5 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 và 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Buộc Bà Đỗ Thị T trả cho bà Đỗ Thị Hồng E 1,5 chỉ vàng 24K loại 9999 và 2.000.000 (hai triệu) đồng.

5. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị S yêu cầu ông Trần Văn Đ và Bà Đỗ Thị T trả 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Buộc ông Trần Văn Đ trả cho bà Đỗ Thị S 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc Bà Đỗ Thị T trả cho bà Đỗ Thị S 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

6. Dành cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, Bà Đỗ Thị T và ông Trần Văn Đ bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật liên quan đến số tiền 105.192.000 (một trăm lẻ năm triệu một chín mươi hai nghìn) đồng.

7. Đối với số tiền ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H ký hợp Đ vay 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng của Ngân hàng phát triển nhà Đ bằng sông Cửu Long (Nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam) và việc thế chấp thửa đất 128 đã được giải quyết xong nên không xem xét giải quyết.

8. Dành cho ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn Đ, Bà Đỗ Thị T và ông Lương Văn T bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 128 và liên quan đến việc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H đưa cho ông Trần Văn Đ và Bà Đỗ Thị T 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng, đưa cho ông Lương Văn T 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

9. Buộc ông Trần Văn Đ phải chịu chi phí xét, thẩm định, định giá là 1.000.000 (một triệu) đồng. Buộc Bà Đỗ Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định, định giá là 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền Bà Đỗ Thị T đã nộp tạm ứng là 3.100.000 (ba triệu một trăm nghìn) đồng. Ông Trần Văn Đ phải trả cho Bà Đỗ Thị T chi phí xem xét, thẩm định, định giá 1.000.000 (một triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

10. Về án phí: Buộc Bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.312.418 đồng, nhưng được trừ vào số tiền Bà Đỗ Thị T đã nộp tạm ứng là 7.000.000 (bảy triệu) đồng theo biên lai T số 0011963 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà Đỗ Thị T phải nộp tiếp số tiền 3.312.418 đồng.

Buộc ông Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.312.418 đồng.

Ông Đỗ Văn S, bà Đỗ Thị S và bà Đỗ Thị Hồng E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Hồng E số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai T số 0004742 ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

11. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Trung

